|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2023/QĐ-UBND | *Bình Phước, ngày tháng năm 2023* |

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển**

**sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc chương trình**

**mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025**

**trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bàn quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số*[*27/2022/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-27-2022-nd-cp-co-che-quan-ly-thuc-hien-cac-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-510809.aspx)*ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Thực hiện Quyết định số*[*90/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/quyet-dinh-90-qd-ttg-2022-phe-duyet-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-giam-ngheo-ben-vung-500969.aspx)*ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số*[*04/2022/TT-BNNPTNT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/thong-tu-04-2022-tt-bnnptnt-ho-tro-phat-trien-san-xuat-nong-nghiep-chuong-trinh-giam-ngheo-521479.aspx)*ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN ngày tháng năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động-TBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;- TT. Tỉnh ủy;- TT. HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Sở Tư pháp;- Cổng thông tin điện tử tỉnh;- Công báo tỉnh;- Lưu: VT, KTN, TH. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** **Trần Tuệ Hiền** |

**QUY ĐỊNH**

*Nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*

*thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*

*giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước*

 *(Kèm theo Quyết định số .../2023/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, gồm:

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp (gọi tắt là Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp).

2. Hỗ trợ phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

3. Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn. Hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 2 về Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và tiểu dự án 1 dự án 3 về hỗ trợ phát triển sản xuất lĩnh vực nông nghiệp thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Nội dung hỗ trợ dự án phát triển sản xuất nông nghiệp**

1. Thực hiện hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật theo các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo các lĩnh vực sau:

a) Trồng trọt: Giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch;

b) Chăn nuôi: Con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất;

c) Lâm nghiệp: Giống cây trồng lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón;

d) Khai thác thủy sản: Hỗ trợ dụng cụ đánh bắt;

đ) Nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất, lồng bè nuôi trồng thuỷ sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản;

3. Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

**Điều 4. Nội dung hỗ trợ dự án phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng**

1. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật, kiến thức sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, sản xuất nông nghiệp an toàn, sử dụng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Hỗ trợ theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này để phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

3. Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất trong sơ chế, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm để nâng cao giá trị nông sản, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng.

4. Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

**Điều 5. Tập huấn, tư vấn về quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả**

1. Hỗ trợ xây dựng tài liệu tập huấn, tư vấn; xây dựng cẩm nang, sổ tay hướng dẫn về quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

2. Hỗ trợ tổ chức tập huấn, tư vấn:

a) Quản lý tiêu thụ nông sản: quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hoá, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm;

b) Thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả;

c) Áp dụng các tiêu chuẩn trong sản xuất và chế biến sản phẩm;

d) Chính sách, pháp luật liên quan đến hỗ trợ phát triển sản xuất, tiêu thụ nông sản; quản lý rủi ro về dịch bệnh, thiên tai, tài chính trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

đ) Các nội dung tập huấn, tư vấn khác phù hợp với địa phương và quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

3. Hỗ trợ tổ chức, quản lý các lớp tập huấn và các hỗ trợ khác theo quy định của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**Điều 6. Mức hỗ trợ**

1. Mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất nông nghiệp và dự án phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng:

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Chi hỗ trợ tối đa 80% tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện không quá 05 tỷ đồng/dự án, kế hoạch liên kết. *(mức hỗ trợ 80%, 70%, 50% theo điểm a khoản 5 điều 21 NĐ 27. Cơ sở đề xuất mức 5 tỷ: NQ 25/2022/NQ-HĐND cấp huyện phê duyệt dự án 3 tỷ trở xuống, cấp tỉnh phê duyệt dự án trên 3 tỷ)*

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Chi hỗ trợ tối đa 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khác. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện không quá 03 tỷ đồng/dự án. *(mức 95%, 85%, 60% theo điểm a khoản 5 điều 22 NĐ 27, mức 3 tỷ là đề xuất)*

c) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 dự án tối đa không quá 03 tỷ đồng. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công hoặc hiện vật). *(mức 3 tỷ theo điểm a, khoản 3 điều 23 NĐ27)*

d) Mức hỗ trợ từng hộ và hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi cho từng dự án, đối tượng liên kết theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trên cơ sở quy mô sản xuất thực tế và định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng không quá 03 vụ hoặc không quá 03 chu kỳ sản xuất *(đề nghị các huyện cho ý kiến cụ thể nội dung này, đề xuất mức hỗ trợ cụ thể cho từng hộ theo từng đối tượng hộ nghèo, cận nghèo; nêu rõ lý do, cơ sở đề xuất để Sở Nông nghiệp và PTNT có cơ sở giải trình UBND tỉnh).*

2. Mức hỗ trợ tập huấn, tư vấn về quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả:

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Thông tư [46/2022/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-46-2022-tt-btc-quan-ly-kinh-phi-su-nghiep-nguon-ngan-sach-thuc-hien-giam-ngheo-524086.aspx) ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này. Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Quy định này và các vướng mắc, phát sinh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện chính sách từ cấp huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định phương án phân bổ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm cho tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Quyết định 90/QĐ-TTg.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Là cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Quyết định 90/QĐ-TTg, gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Quyết định 90/QĐ-TTg đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tình hình triển khai, kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của huyện, thành phố quản lý

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện tiểu dự án 1 Dự án 3 về nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Quyết định 90/QĐ-TTg trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo tại Điều 4 của Quy định này hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định của các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.